

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LIMITED (AASC)



Trụ sở chính:

Số 1 Lê Phụng Hiểu - Hà Nội - Việt Nam.

Tel : (84-4) 38241990 /1.

Fax: (84-4) 3 8253973

E-mail: aaschn@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:

63 Trần Khánh Dư, Quận 1

TP Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 35265796 / 7

Fax: (84-8) 38435590

E-mail: aaschcm@aasc.com.vn

VPĐD tại Quảng Ninh:

Cột 2, Đường Nguyễn Văn Cừ,

TP Hạ Long - Quảng Ninh

Tel : (84-33) 3627571

Fax: (84-33) 3627572

E-mail: aascqn@aasc.com.vn



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	06-24
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch là: VIET STAR SECURITIES CORPORATION. Tên viết tắt là: VSSC.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6&8 tòa nhà TCM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Vũ Hồng Sự	Chủ tịch	
Ông Đặng Đức Thành	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Quang Chiến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Duy Ngọc	Ủy viên	
Ông Dương Văn Phúc	Ủy viên	
Ông Nguyễn Phú Cường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/07/2008
Ông Vũ Văn Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/07/2008

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/04/2008
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02/04/2008
Ông Nguyễn Duy Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hoàng Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Văn Khởi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2009

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Thắng



Số: 238 /2009/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt được lập ngày 07 tháng 02 năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Tại thời điểm 31/12/2008, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đối với toàn bộ chứng khoán tự doanh niêm yết theo quy định. Đối với một số mã chứng khoán tự doanh chưa niêm yết do không có cơ sở xác định giá giao dịch ngày tại ngày 31/12/2008, vì vậy Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đối với các mã này. Bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi cũng không thể xác định được giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chứng khoán với một số mã chưa niêm yết của Công ty (xem chi tiết tại thuyết minh số 3 và số 8).

Tại thời điểm 31/12/2008, Một số khoản công nợ chưa được xác nhận đầy đủ, trong đó: Công nợ phải thu và trả trước cho người bán 2.653.790.498 đồng; Tạm ứng 445.129.256 đồng; Ký quỹ, ký cược dài hạn 100.000.000 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể xác nhận được tính chính xác và hiện hữu của các khoản nợ này tại ngày 31/12/2008.

Ý kiến của kiểm toán viên

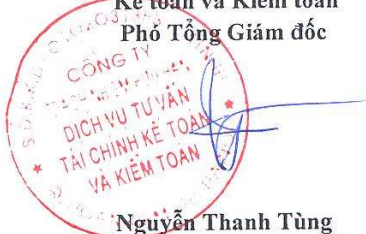
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Vu Xuan Bien".

Vũ Xuân Biên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
100	A TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		99,845,630,925	281,179,705,236
110	I Tiền	1	66,002,212,828	166,221,503,047
111	1 Tiền mặt tại quỹ		143,956,179	177,142,076
112	2 Tiền gửi ngân hàng		57,335,875,562	87,321,284,733
114	3 Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán		6,695,706,107	73,169,983,043
116	4 Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		1,826,674,980	5,553,093,195
120	II Các khoản đầu tư chứng khoán (CK) ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác	3	12,132,125,057	73,671,553,000
121	1 Chứng khoán tự doanh		16,165,488,418	77,366,322,643
126	2 Dự phòng giảm giá CK và đầu tư ngắn hạn		(4,033,363,361)	(3,694,769,643)
130	III Các khoản phải thu		20,795,860,441	40,120,762,887
131	1 Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán		-	5,258,708,875
132	2 Phải thu của người đầu tư		1,587,326,200	1,265,500,000
134	3 Ứng trước cho người bán		593,559,728	744,403,501
137	4 Phải thu khác	4	18,614,974,513	32,852,150,511
150	V Tài sản lưu động khác		915,432,599	1,165,886,302
151	1 Tạm ứng		587,453,465	857,870,339
152	2 Chi phí trả trước	5	178,785,982	138,882,811
153	3 Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
156	4 Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6	149,193,152	169,133,152
200	B TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		73,377,959,436	13,677,191,239
210	I Tài sản cố định	7	6,929,017,071	8,375,640,594
211	1 Tài sản cố định hữu hình		6,003,284,986	7,598,026,592
212	- Nguyên giá		8,647,029,334	8,218,257,253
213	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2,643,744,348)	(620,230,661)
217	2 Tài sản cố định vô hình		925,732,085	777,614,002
218	- Nguyên giá		1,326,665,000	859,443,000
219	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(400,932,915)	(81,828,998)
220	II Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		60,845,460,000	-
221	1 Đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty CK	8	80,816,161,122	-
223	2 Đầu tư CK dài hạn của người ủy thác đầu tư		-	-
227	3 Dự phòng giảm giá CK và đầu tư dài hạn khác (*)	8	(19,970,701,122)	-
230	III Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	149,609,996
240	IV Tài sản dài hạn khác		5,603,482,365	5,151,940,649
241	1 Ký quỹ, ký cược dài hạn	9	1,463,177,512	821,539,611
242	2 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	10	120,000,000	120,000,000
243	3 Tài sản dài hạn khác	11	4,020,304,853	4,210,401,038
250	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		173,223,590,361	294,856,896,475

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
NGUỒN VỐN			
300	A NỢ PHẢI TRẢ	16,654,079,550	95,547,847,478
310	I Nợ ngắn hạn	16,654,079,550	95,547,847,478
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	-	660,000,000
315	2 Phải trả Trung tâm giao dịch chứng khoán	36,027,002	202,587,473
318	3 Phải trả người bán	6,834,700	645,367,920
319	4 Người mua ứng trước	-	116,000,000
320	5 Phải trả cổ tức gốc và lãi trái phiếu	140,925,600	403,206,400
323	6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12 (33,496,625)	932,849,154
324	7 Phải trả nhân viên	54,672,417	53,799,998
325	8 Chi phí phải trả	13 348,161,806	70,000,000
328	9 Phải trả phải nộp khác	14 7,365,888,555	11,838,652,191
332	10 Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	8,735,066,095	80,625,384,342
340	II Nợ dài hạn	-	-
345	1 Phải trả người ủy thác đầu tư	-	-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	15 156,569,510,811	199,309,048,997
410	I Vốn góp ban đầu	135,000,000,000	135,000,000,000
411	1 Vốn của các bên góp vốn	135,000,000,000	135,000,000,000
420	II Vốn bổ sung	62,220,000,000	62,220,000,000
421	1 Thặng dư vốn cổ phần	62,220,000,000	62,220,000,000
430	III Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	(40,650,489,189)	2,089,048,997
432	1 Quỹ dự phòng tài chính	231,817,946	231,817,946
438	2 Lợi nhuận chưa phân phối	(39,700,301,240)	1,857,231,051
439	3 Quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1,182,005,895)	-
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	173,223,590,361	294,856,896,475

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
004	4 Ngoại tệ các loại		50.37	50.37
	- USD		50.24	50.24
	- EUR		6,050.23	6,050.23
	- JPY			
006	6 Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước		33,104,479	19,416,088
007	6.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước		26,756,720	16,794,702
008	- Chứng khoán giao dịch của công ty thành viên trong nước		582,441	168,624
009	- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		26,174,279	16,626,078
011	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch thành viên trong nước		6,326,589	1,975,871
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của người đầu tư thành viên trong nước		6,326,589	1,975,871
015	6.3 Chứng khoán cầm cố thành viên trong nước		21,170	645,515
017	- Chứng khoán cầm cố của người đầu tư thành viên trong nước		21,170	645,515
023	7 Chứng khoán lưu ký của thành viên nước ngoài		42,715	-
024	7.1 Chứng khoán giao dịch thành viên nước ngoài		42,715	-
026	- Chứng khoán giao dịch của người đầu tư thành viên nước ngoài		42,715	-

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Loan

Lập, ngày 07 tháng 02 năm 2009

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Thắng

NG TY
 VỤ TU
 HÌNH K
 KIỂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
01	1 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	16	19,384,221,410	21,718,600,931
11	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
12	3 Doanh thu thuần		19,384,221,410	21,718,600,931
13	4 Thu lãi đầu tư	17	2,751,640,697	5,382,000
14	5 Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư		22,135,862,107	21,723,982,931
15	6 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	18	45,270,105,746	6,351,466,758
20	7 Lợi nhuận gộp		(23,134,243,639)	15,372,516,173
30	8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	21,908,132,155	12,325,005,268
40	9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(45,042,375,794)	3,047,510,905
41	Các khoản thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh		3,539,810,283	367,914,755
42	Các khoản chi phí ngoài hoạt động kinh doanh		54,966,780	197,824,972
50	10 Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh		3,484,843,503	170,089,783
60	11 Tổng lợi nhuận trước thuế		(41,557,532,291)	3,217,600,688
61	12 Lợi nhuận tính thuế		(44,309,172,988)	3,212,218,688
70	13 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20	-	899,421,233
80	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(41,557,532,291)	2,318,179,455
90	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	(3,078)	524

Lập, ngày 07 tháng 02 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thanh Loan



Phạm Đức Thắng
Phạm Đức Thắng

Phạm Thị Thanh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		(41,557,532,291)	3,217,600,688
02	Khấu hao TSCĐ		2,387,160,777	702,059,659
03	Các khoản lập dự phòng		20,309,294,840	3,694,769,643
07	Các khoản chi phí phải trả		278,161,806	-
08	Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(899,421,231)	-
10	Tiền thực chi quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1,182,005,895)	-
13	Lãi lỗ đầu tư khác		(3,697,471,203)	-
20	2 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(24,361,813,197)	7,614,429,990
21	Tăng, giảm các khoản phải thu		19,595,319,320	(45,687,297,874)
22	Tăng, giảm hàng tồn kho		(19,615,326,897)	(77,366,322,643)
23	Tăng, giảm các khoản phải trả		(78,262,661,798)	93,988,426,245
24	Tăng, giảm chi phí trả trước		150,193,014	(138,882,811)
25	Tăng, giảm các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược		(621,697,901)	(841,539,611)
27	3 Luồng tiền trước các khoản mục bất thường		(103,115,987,459)	(22,431,186,704)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(103,115,987,459)	(22,431,186,704)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
41	1 Tiền mua TSCĐ, XDCB		836,516,543	-
45	2 Thu lãi đầu tư		2,751,640,697	-
47	3 Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư		-	(9,227,310,249)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3,588,157,240	(9,227,310,249)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
51	1 Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu		-	197,220,000,000
53	2 Tiền vay		-	19,246,000,000
54	3 Tiền trả nợ vay		(660,000,000)	(18,586,000,000)
55	4 Trả lãi tiền vay		(31,460,000)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(691,460,000)	197,880,000,000
70	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(100,219,290,219)	166,221,503,047
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		166,221,503,047	-
90	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		66,002,212,828	166,221,503,047

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Loan



Phạm Đức Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2008

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi năm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6&8 tòa nhà TCM, 299 Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005730 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 33/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 của UBCK Nhà nước; Quyết định về việc bổ sung giấy phép thành lập và hoạt động của UBCK Nhà nước số 346/QĐ-UBCK ngày 01/06/2007 và số 102/QĐ-GPĐCCTCK ngày 31/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

NG TY
Y HỮU
YU TUV
HINH K
KIEM T

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư của Công ty và của người ủy thác đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh và ủy thác đầu tư bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán từ/ cho khách hàng và bán lại cho/ mua lại từ chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả bằng với giá bán lại/ mua lại vào một ngày cụ thể trong tương lai. Phân chênh lệch giữa giá bán lại/ mua lại và giá mua/ bán sẽ được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả (doanh thu ghi nhận trước)/tài sản (chi phí chờ kết chuyển) và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản thu nhập/ chi phí theo thời hạn của hợp đồng repo.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Tỉ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%.

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Tiền	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ (gồm cả chứng khoán mua lẻ)	143,956,179	177,142,076
Tiền gửi ngân hàng	57,335,875,562	87,321,284,733
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	6,695,706,107	73,169,983,043
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1,826,674,980	5,553,093,195
Cộng	66,002,212,828	166,221,503,047

2 . Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
a) Cửa Công ty Chứng khoán	2,170,740	119,634,179,000
- Cổ phiếu	2,170,740	119,634,179,000
b) Cửa người đầu tư	58,535,170	2,523,410,527,000
- Cổ phiếu	57,606,470	2,514,773,268,000
- Chứng khoán khác	928,700	8,637,259,000
Tổng cộng	60,705,910	2,643,044,706,000

3 . Chứng khoán tự doanh

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	6,294,447,418	29,373,331,643
Chứng khoán chưa niêm yết	9,871,041,000	47,992,991,000
Cộng	16,165,488,418	77,366,322,643

Dự phòng giảm giá chứng khoán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	(2,072,363,361)	(564,769,643)
Chứng khoán chưa niêm yết	(1,961,000,000)	(3,130,000,000)
Cộng	(4,033,363,361)	(3,694,769,643)

Chi tiết chứng khoán tự doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán

Chứng khoán chưa niêm yết	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bảo Long (**)	58 000	2 987 000 000	1,566,000,000	(1,421,000,000)
Ngân hàng TM CP Đại Á (**)	20 000	900 000 000	720,000,000	(180,000,000)
Công ty Cổ phần Mai Linh (**)	30 000	1 290 000 000	930,000,000	(360,000,000)
Công ty Cổ phần S.P.M (***)	30 000	2 700 000 000	-	-
Công ty CP Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn (***)	747	1 600 000 000	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển VN (***)	20 739	394 041 000	-	-
Cộng	159,486	9,871,041,000	3,216,000,000	(1,961,000,000)

(**) Lập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết tại ngày 31/12/2008 theo giá trị thị trường mà Công ty ước tính có thể thực hiện được.

(***) Chưa có cơ sở giá giao dịch thị trường để lập dự phòng.

Chứng khoán niêm yết (*)	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
ACB	62	2,741,016	1 736 000	(1,005,016)
CDC	145	14,659,500	2 972 500	(11,687,000)
CTN	30	1,041,000	354 000	(687,000)
EBS	11	226,281	132 000	(94,281)
HUT	5 900	113,870,000	62 540 000	(51,330,000)
NBC	51	3,493,500	1 540 200	(1,953,300)
POT	64	1,666,000	563 200	(1,102,800)
S99	20	2,188,000	644 000	(1,544,000)
SCJ	11 666	759,870,000	433 975 200	(325,894,800)
SD7	10 000	284,640,000	269 000 000	(15,640,000)
SD9	10 326	268,190,800	254 019 600	(14,171,200)
SDA	65	5,240,000	1 443 000	(3,797,000)
SDD	2 000	34,600,000	17 400 000	(17,200,000)
SDT	3 170	229,403,000	67 521 000	(161,882,000)
SIC	144	7,041,600	2 073 600	(4,968,000)
SJE	22 920	609,528,926	378 180 000	(231,348,926)
SSI	13 000	499,200,000	374 400 000	(124,800,000)
STC	6 700	139,360,000	71 020 000	(68,340,000)
STP	80	3,936,000	1 344 000	(2,592,000)
VC2	58	5,435,000	1 902 400	(3,532,600)
VC5	112	3,740,800	1 422 400	(2,318,400)
VSP	3 000	30,000,000	157 200 000	-
VTS	23	538,000	738 300	-
BT6	6	353,400	354 000	-
DRC	9	630,500	151 200	(479,300)
FPT	7	779,965	350 000	(429,965)
GIL	4	141,200	57 200	(84,000)
GMC	10	310,600	142 000	(168,600)
GTA	25	453,000	257 500	(195,500)
HAP	8	512,000	105 600	(406,400)
HAX	10	343,571	135 000	(208,571)
HBC	5 029	123,168,273	81 469 800	(41,698,473)
ITA	6	445,350	161 400	(283,950)
KHA	15	298,500	177 000	(121,500)
KHP	3	85,500	31 500	(54,000)
L10	5	163,000	59 500	(103,500)
PET	31	910,728	440 200	(470,528)
PPC	16	429,745	299 200	(130,545)
PVD	19	1,603,457	1 615 000	-
RIC	4	196,800	68 400	(128,400)
STB	14 080	425,026,778	259 072 000	(165,954,778)
TAC	5 000	351,375,000	118 000 000	(233,375,000)
TDH	62 170	2,366,322,491	1 784 279 000	(582,043,491)
TMC	3	30,000	65 700	-
VIP	6	184,800	60 600	(124,200)
VTO	5	73,337	59 000	(14,337)
Cộng	176,018	6,294,447,418	4,349,532,200	(2,072,363,361)

(*) Đối với chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh trích lập dự phòng theo giá giao dịch đóng cửa tại ngày 31/12/2008. Chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội trích lập dự phòng theo giá giao dịch bình quân tại ngày 31/12/2008.

Tình hình nắm giữ chứng khoán tại ngày 31/12/2008		Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008		Tổng số chứng khoán công ty nắm giữ đã phát hành		Tỷ lệ
Loại chứng khoán đầu tư	Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)		(5=2/4)
1. CK niêm yết	176,018	1,760,180,000	2,093,747,816	20,937,478,160,000		
ACB	62	620,000	263,005,996	2,630,059,960,000		0.00002%
CDC	145	1,450,000	3,600,000	36,000,000,000		0.00403%
CTN	30	300,000	4,885,000	48,850,000,000		0.00061%
EBS	11	110,000	2,554,871	25,548,710,000		0.00043%
HUT	5 900	59,000,000	5,500,000	55,000,000,000		0.10727%
NBC	51	510,000	6,000,000	60,000,000,000		0.00085%
POT	64	640,000	17,991,630	179,916,300,000		0.00036%
S99	20	200,000	1,500,000	15,000,000,000		0.00133%
SCJ	11 666	116,660,000	2,774,200	27,742,000,000		0.00000%
SD7	10 000	100,000,000	9,000,000	90,000,000,000		0.00000%
SD9	10 326	103,260,000	15,000,000	150,000,000,000		0.00000%
SDA	65	650,000	7,000,000	70,000,000,000		0.00093%
SDD	2 000	20,000,000	3,650,000	36,500,000,000		0.05479%
SDT	3 170	31,700,000	11,700,000	117,000,000,000		0.02709%
SIC	144	1,440,000	5,000,000	50,000,000,000		0.00288%
SJE	22 920	229,200,000	5,000,000	50,000,000,000		0.00000%
SSI	13 000	130,000,000	134,937,340	1,349,373,400,000		0.00000%
STC	6 700	67,000,000	2,880,000	28,800,000,000		0.23264%
STP	80	800,000	3,500,000	35,000,000,000		0.00229%
VC2	58	580,000	5,873,965	58,739,650,000		0.00099%
VC5	112	1,120,000	5,000,000	50,000,000,000		0.00224%
VSP	3 000	30,000,000	13,800,000	138,000,000,000		0.02174%
VTS	23	230,000	1,110,000	11,100,000,000		0.00207%
BT6	6	60,000	10,997,850	109,978,500,000		0.00005%
DRC	9	90,000	15,385,491	153,854,910,000		0.00006%
FPT	7	70,000	93,192,300	931,923,000,000		0.00001%
GIL	4	40,000	10,089,818	100,898,180,000		0.00004%
GMC	10	100,000	4,669,500	46,695,000,000		0.00021%
GTA	25	250,000	10,130,000	101,300,000,000		0.00025%
HAP	8	80,000	14,775,239	147,752,390,000		0.00005%
HAX	10	100,000	4,331,200	43,312,000,000		0.00023%
HBC	5 029	50,290,000	13,500,000	135,000,000,000		0.03725%
ITA	6	60,000	114,997,930	1,149,979,300,000		0.00001%
KHA	15	150,000	13,419,950	134,199,500,000		0.00011%
KHP	3	30,000	17,409,086	174,090,860,000		0.00002%
L10	5	50,000	8,900,000	89,000,000,000		0.00006%
PET	31	310,000	48,253,500	482,535,000,000		0.00006%
PPC	16	160,000	325,235,000	3,252,350,000,000		0.00000%
PVD	19	190,000	132,167,504	1,321,675,040,000		0.00001%
RIC	4	40,000	49,238,371	492,383,710,000		0.00001%
STB	14 080	140,800,000	511,613,630	5,116,136,300,000		0.00000%
TAC	5 000	50,000,000	18,980,200	189,802,000,000		0.02634%
TDH	62 170	621,700,000	22,700,000	227,000,000,000		0.00000%
TMC	3	30,000	4,000,000	40,000,000,000		0.00008%
VIP	6	60,000	58,898,245	588,982,450,000		0.00001%
VTO	5	50,000	59,600,000	596,000,000,000		0.00001%

Tình hình nắm giữ chứng khoán tại ngày 31/12/2008 (tiếp theo)

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008		Tổng số chứng khoán công ty nắm giữ đã phát hành		Tỷ lệ (5=2/4)
	Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	
2. CK chưa niêm yết	159 486	1,662,090,000	256,293,380	2,945,433,800,000	
Công ty Cổ phần Bảo Long	58 000	580,000,000	16,000,000	160,000,000,000	0.363%
Ngân hàng TM CP Đại Á	20 000	200,000,000	50,000,000	500,000,000,000	0.040%
Công ty Cổ phần Mai Linh	30 000	300,000,000	36,043,380	360,433,800,000	0.083%
Công ty Cổ phần S.P.M	30 000	300,000,000	10,000,000	100,000,000,000	0.300%
Công ty CP Dịch vụ Bưu Chính Viễn Thông Sài Gòn	747	74,700,000	4,250,000	425,000,000,000	0.018%
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	20 739	207,390,000	140,000,000	1,400,000,000,000	0.015%
Tổng cộng	335 504	3,422,270,000	2,350,041,196	23,882,911,960,000	

4 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu khác	18,614,974,513	32,852,150,511
- Ông Bùi Quang Hưng	-	18,120,000,000
- Ông Nguyễn Duy Ngọc	6,095,598,333	8,782,366,667
- Bà Phạm Thị Hương Giang	16,455,943	-
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	2,950,000,000	-
- Tiền đặt cọc cổ phiếu VCB	-	3,480,000,000
- Tiền đặt cọc cổ phiếu SD7	-	592,600,000
- Tiền đặt cọc cổ phiếu SJS	-	164,500,000
- Trúng đấu giá cổ phiếu SJS	-	1,490,000,000
- Cổ phiếu Vitranschart	165,950,553	164,143,600
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	2,721,840
- Ngân hàng TM Cổ phần Phương Đông	193,000,000	-
- Cổ tức mã SD9	20,588,700	-
- Công ty TNHH Đầu tư - Thương mại Sài Gòn	1,334,270,834	-
- Môi giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết	7,000,000,000	-
- Khác	839,110,150	55,818,404
Cộng	18,614,974,513	32,852,150,511

5 . Chi phí trả trước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ	28,348,158	24,713,333
Chi phí thuê nhà chờ phân bổ	103,072,200	-
Chi phí trả trước khác	47,365,624	114,169,478
Cộng	178,785,982	138,882,811

6 . Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đặt cọc may đồng phục	-	20,000,000
Đặt cọc thẻ taxi và bình nước	3,060,000	3,000,000
Đặt cọc thuê văn phòng Hà Nội	146,133,152	146,133,152
Cộng	149,193,152	169,133,152

7 . Tài sản cố định

a) Tăng giảm tài sản cố định

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Vô hình	Đơn vị tính: VND	
				Tổng	
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	6,661,681,233	1,556,576,020	859,443,000	9,077,700,253	
2. Số tăng trong năm	627,456,869	-	467,222,000	1,094,678,869	
- Mua sắm mới	466,662,543		369,854,000	836,516,543	
- Tặng khác	160,794,326		97,368,000	258,162,326	
3. Số giảm trong năm	64,625,452	134,059,336	-	198,684,788	
- Giảm khác	64,625,452	134,059,336		198,684,788	
4. Số dư cuối năm	7,224,512,650	1,422,516,684	1,326,665,000	9,973,694,334	
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	554,558,186	65,672,475	81,828,998	702,059,659	
2. Số tăng trong năm	1,938,253,831	194,572,001	319,103,917	2,451,929,749	
- Trích khấu hao	1,905,941,106	194,572,001	286,647,670	2,387,160,777	
- Tặng khác	32,312,725		32,456,247	64,768,972	
3. Số giảm trong năm	64,625,452	44,686,693	-	109,312,145	
- Giảm khác	64,625,452	44,686,693		109,312,145	
4. Số dư cuối năm	2,428,186,565	215,557,783	400,932,915	3,044,677,263	
III. Giá trị còn lại					
1. Đầu năm	6,107,123,047	1,490,903,545	777,614,002	8,375,640,594	
2. Cuối năm	4,796,326,085	1,206,958,901	925,732,085	6,929,017,071	

b) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2008	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
135,000,000,000	Nguyên giá	9,973,694,334	0.05
	Khấu hao	(3,044,677,263)	
	Giá trị còn lại	6,929,017,071	
Cộng	x	x	x

Tình hình đảm bảo về vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng nợ điều chỉnh tại thời điểm 31/12/2008: 1302%

8 . Đầu tư chứng khoán dài hạn của công ty chứng khoán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	34,694,211,122	-
Chứng khoán chưa niêm yết	46,121,950,000	-
Cộng	80,816,161,122	-

Dự phòng giảm giá chứng khoán

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	(18,801,701,122)	-
Chứng khoán chưa niêm yết	(1,169,000,000)	-
Cộng	(19,970,701,122)	-

Chi tiết chứng khoán tự doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán niêm yết (*)	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
DPM	44,200	2,377,338,953	1,524,900,000	(852,438,953)
HPG	9,000	648,000,000	283,500,000	(364,500,000)
NTL	76,008	4,917,209,496	2,538,667,200	(2,378,542,296)
REE	9,807	912,909,068	203,985,600	(708,923,468)
SJI	100,000	2,200,000,000	1,220,000,000	(980,000,000)
SJM	28,951	1,992,085,600	266,349,200	(1,725,736,400)
SJS	171,684	19,958,746,500	9,270,936,000	(10,687,810,500)
STL	10,000	545,000,000	164,000,000	(381,000,000)
TPC	56,780	1,142,921,505	420,172,000	(722,749,505)
Cộng	515,430	34,694,211,122	15,892,510,000	(18,801,701,122)

(*) Đối với chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh trích lập dự phòng theo giá giao dịch đóng cửa tại ngày 31/12/2008. Chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội trích lập dự phòng theo giá giao dịch bình quân tại ngày 31/12/2008.

CK chưa niêm yết	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TM CP Eximbank (**)	24,000	2,765,000,000	1,596,000,000	(1,169,000,000)
Công ty CP ĐT PT đô thị và KCN Phúc Hà (***)	500,000	10,000,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phong (***)	269,000	13,866,950,000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Trung (***)	800,000	16,000,000,000	-	-
Công ty CP đầu tư 577 (***)	50,000	3,490,000,000	-	-
Cộng	1,643,000	46,121,950,000	1,596,000,000	(1,169,000,000)

(**) Lập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết tại ngày 31/12/2008 theo giá trị thị trường mà Công ty ước tính có thể thực hiện được.

(***) Chưa có cơ sở giá giao dịch thị trường để lập dự phòng.

Tình hình nắm giữ chứng khoán tại ngày 31/12/2008

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008		Tổng số chứng khoán công ty niêm yết đã phát hành		Tỷ lệ (5=2/4)
	Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	
1. CK niêm yết	515 430	5,064,300,000	714,271,388	7,142,713,880,000	
DPM	44,200	442,000,000	379,400,000	3,794,000,000,000	0.01165%
HPG	9,000	90,000,000	196,364,000	1,963,640,000,000	0.00458%
NTL	76,008	760,080,000	16,400,000	164,000,000,000	0.46346%
REE	9,807	98,070,000	57,260,388	572,603,880,000	0.01713%
SJI	100,000	1,000,000,000	3,451,000	34,510,000,000	2.89771%
SJM	28,951	289,510,000	1,500,000	15,000,000,000	1.93007%
SJS	171,684	1,716,840,000	39,750,000	397,500,000,000	0.43191%
STL	10,000	100,000,000	10,000,000	100,000,000,000	0.10000%
TPC	56,780	567,800,000	10,146,000	101,460,000,000	0.00000%
2. CK chưa niêm yết	1 619 240	16,430,000,000	50,149,000	4,708,000,000,000	
Ngân hàng TM CP Eximbank	240	240,000,000	4,249,000	4,249,000,000,000	0.006%
Công ty CP ĐT PT đô thị và KCN Phúc Hà	500,000	5,000,000,000	8,000,000	80,000,000,000	6.25%
Công ty Cổ phần Đầu tư Vân Phong	269,000	2,690,000,000	10,000,000	100,000,000,000	2.690%
Công ty CP đầu tư và phát triển điện Miền Trung	800,000	8 000 000 000	12,500,000	125,000,000,000	0.000%
Công ty CP đầu tư 577	50,000	500,000,000	15,400,000	154,000,000,000	0.000%
Tổng cộng	2 134 670	21,494,300,000	764,420,388	11,850,713,880,000	

9 . Kỳ quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đặt cọc tiền thuê nhà	1,463,177,512	821,539,611
- Công ty Cổ phần TM Cầu Giấy	302,530,140	285,030,900
- Công ty TNHH TM DV Lộc Lê Hải	440,647,372	416,508,711
- Công ty Cổ phần TM Căn nhà mơ ước	120,000,000	120,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Đà	500,000,000	-
- Công ty TNHH kinh doanh bất động Sản Gia Tộc	100,000,000	-
Cộng	1,463,177,512	821,539,611

10 . Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	120,000,000	120,000,000
Tăng quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-
Giảm quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-
Số cuối năm	120,000,000	120,000,000

11 . Tài sản dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	447,741,268	657,791,404
Chi phí cải tạo nội thất sàn	747,170,467	595,630,918
Tiền thuê nhà	-	271,806,398
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1,760,419,589	2,614,706,978
Chi phí sửa lắp đặt mạng máy tính	207,252,423	70,465,340
Chi phí xây dựng phòng giao dịch	857,721,106	-
Cộng	4,020,304,853	4,210,401,038

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(26,189,491)	18,909,091
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(9,846,703)	899,421,233
Thuế thu nhập cá nhân	2,539,569	14,518,830
Cộng	(33,496,625)	932,849,154

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trợ cấp mất việc làm	118,984,693	-
Chi phí tiền lương	46,865,652	-
Chi phí kiểm toán	80,000,000	-
Các khoản khác	102,311,461	70,000,000
Cộng	348,161,806	70,000,000

14 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	91,638,556	-
Bảo hiểm xã hội	42,671,928	99,681,625
Bảo hiểm y tế	7,053,644	14,627,525
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7,224,524,427	11,724,343,041
- <i>Môi giới đầu tư mua Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	7,000,000,000	-
- <i>Khác</i>	224,524,427	11,724,343,041
Cộng	7,365,888,555	11,838,652,191

15 . Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	197,220,000,000	-	-	197,220,000,000
1. Vốn góp ban đầu	135,000,000,000			135,000,000,000
2. Vốn bổ sung	62,220,000,000	-	-	62,220,000,000
- <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	62,220,000,000			62,220,000,000
3. Chứng khoán ngân quỹ thuần	-	-	-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	2,089,048,997	-	42,739,538,186	(40,650,489,189)
1. Quỹ đầu tư phát triển				-
2. Quỹ dự phòng tài chính	231,817,946	-	-	231,817,946
- <i>Dự trữ pháp định</i>	115,908,973			115,908,973
- <i>Dự trữ theo điều lệ công ty</i>	115,908,973			115,908,973
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	-	-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	1,857,231,051		41,557,532,291	(39,700,301,240)
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	1,182,005,895	(1,182,005,895)
Tổng cộng	199,309,048,997	-	42,739,538,186	156,569,510,811

b) Tình hình thu nhập của vốn chủ sở hữu

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(41,557,532,291)	2,318,179,455
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(41,557,532,291)	2,318,179,455
Cổ phiếu phổ thông bình lưu hành quân trong kỳ	13,500,000	4,421,833
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3,078)	524

16 . Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	6,800,309,662	4,339,340,301
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	2,085,885,812	12,174,674,450
Doanh thu quản lý doanh mục đầu tư cho người đầu tư	-	642,808,049
Doanh thu bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	7,372,500	22,006,533
Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư	709,478,000	3,384,721,092
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	641,282,780	300,000
Hoàn nhập dự phòng, các khoản trích trước	123,212,914	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	9,016,679,742	1,108,688,006
Thu cho thuê sử dụng TSCĐ, sử dụng thiết bị, sử dụng thông tin	-	46,062,500
Cộng	19,384,221,410	21,718,600,931

17 . Thu lãi đầu tư

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,751,640,697	5,382,000
Cộng	2,751,640,697	5,382,000

18 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	1,518,055,385	965,175,773
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	23,175,125,915	1,159,368,207
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán cho người đầu tư	5,340,000	174,169,303
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	230,229,606	-
Chi phí dự phòng	20,309,294,840	3,694,769,643
Chi phí về vốn kinh doanh	31,460,000	134,495,834
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	600,000	223,487,998
Cộng	45,270,105,746	6,351,466,758

19 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7,275,340,342	4,660,903,626
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	2,732,087,914	730,927,911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,941,463,436	778,966,528
Chi phí thuế, phí, lệ phí	79,206,939	19,285,876
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,367,817,844	3,513,168,413
Chi phí khác bằng tiền	1,512,215,680	2,621,752,914
Cộng	21,908,132,155	12,325,005,268

20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(41,557,532,291)	3,217,600,688
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2,751,640,697	5,382,000
Tổng lợi nhuận tính thuế	(44,309,172,988)	3,212,218,688
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	899,421,233

21 . Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2007
		VND	VND
1. Bộ trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	42.36%	4.64%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	50.64%	70.38%
2. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	-214.39%	10.67%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	-5.84%	
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	-4.44%	
3. Tình hình tài chính			
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	9.61%	32.40%
- Khả năng thanh toán			
Hiện thời: TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	lần	5.27	2.17
Thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	5.27	2.17
Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn	lần	3.96	1.74

22 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty TNHH Kiểm toán D.T.L kiểm toán.

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Loan

Lập, ngày 07 tháng 02 năm 2009

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Thắng